TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 04 - 9 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Hương

Ông Phạm Quang Đôn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quàng Văn L - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên*** *tham gia phiên toà*: Bà Trịnh Thị Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2020/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1995. Địa chỉ: xã T, huyện Đ, Tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn L - Sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ nơi cư trú: tổ 09 (nay là tổ dân phố 4), phường T, Thành phố Đ, Tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Vũ Thị N - Sinh năm: 1978; Địa chỉ: xã T, huyện Đ, Tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Noong Bua, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/5/2017, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn

vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh L hay đi uống rượu và về khuya, chị H có nhắc nhở thì anh L đánh đập, chửi bới chị H, đến cuối năm 2019 do mâu thuẫn trầm trọng chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng không cùng chung sống (ly thân) với nhau. Tại nhà mẹ đẻ chị H xã T, huyện Đ, Tỉnh Điện Biên anh L vẫn tiếp tục xuống và chửi bới chị H và gia đình chị nhiều lần. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét tình trạng hôn nhân trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đinh Hiền Diệu Ngọc - sinh ngày 21/4/2015, hiện cháu đang ở với bố, khỏe mạnh phát triển bình thường. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc, tuy nhiên chị H đã thay đổi yêu cầu về nuôi con, chị đồng ý giao cháu Ngọc cho bố là anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị H yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 01 triệu đồng/tháng. Ngày 14/8/2020 chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 13/02/2020, bị đơn anh Đinh Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L và chị H đăng kết hôn tại UBND phường Noong Bua, ngày 09/05/2017, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng bình thường vui vẻ, hòa thuận đến năm 2019 mới xảy ra mẫu thuẫn, vợ chồng xảy ra cãi, đánh, chửi nhau, anh L thừa nhận có đi uống rượu say về cãi nhau và đánh vợ nhiều lần và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 06 năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ nói dối, đi chơi đêm không về nhà. Tuy nhiên anh L vẫn rất yêu vợ nên anh L không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh L thừa nhận vợ chồng có một con chung như lời trình bày của chị H. Anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đinh H Diệu Ngọc - sinh ngày 21/4/2015 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, từ khi tòa án thông báo mở phiên họp, tiếp cận công khai, chứng cứ, thì không tống đạt được các văn bản tố tụng cho anh L. Tòa án đã tiến hành xác minh về sự vắng mặt của anh L tại nơi cư trú. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh L. Tuy nhiên, anh L vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên tòa.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người làm chứng Vũ Thị N trình bày: Phạm Thị H và Đinh Văn L đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2017 nhưng có con chung với nhau từ năm 2015 là cháu Đinh H Diệu

Ngọc. Khoảng tháng 10/2019, do vợ chồng H, L cãi nhau nên H có về nhà bà N

ngủ, đến khoảng 23 giờ bà N có chứng kiến việc L có xuống nhà bà yêu cầu H về nhà nhưng do sợ bị đánh H không về mà tiếp tục ở nhà bà N nên L đã chửi bới, có những lời lẽ thô tục đối với H. Sau đó L có cãi nhau với bà N, L chửi bà N và dọa sẽ đốt nhà bà N nếu không để cho H về sau đó L chửi một lúc rồi bỏ đi.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Đối với bị đơn: Có trả lời thông báo thụ lý của Tòa án nhưng sau đó không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn L.
- Về nuôi con: Giao con cho anh Đinh Văn L
- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.
- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Đinh Văn L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và nơi cư trú: Số nhà 665, Tổ dân phố 04 (trước là tổ 09), phường Tân Thanh, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ như Biên bản xác minh xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, lấy lời khai của đương sự, người làm chứng. Tòa án nhân dân thành phố Đ đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và tham gia phiên tòa.

Do trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Đinh Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND phường Noong Bua, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01, ngày 09/5/2017) là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian, sau đó vợ chồng hay cãi nhau, anh L có hành vi chửi bới, đánh chị H và từ cuối năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được bị đơn anh L thừa nhận tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 13/02/2020 và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương, tin tưởng nhau. Như vậy, anh L đã có hành vi bạo lực gia đình, chị H cũng có một phần lỗi trong việc vợ chồng mâu thuẫn. Do vậy anh L, chị H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau... làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho chị H được ly hôn với anh L.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh L đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là Đinh H Diệu Ngọc - sinh ngày 21/4/2015. Tại đơn khởi kiện chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, tuy nhiên chị đã thay đổi yêu cầu về nuôi con, chị đồng ý giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa chị H thừa nhận từ khi vợ chồng ly thân, anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, thỉnh thoảng chị H mới đón con về chơi, trong cuộc sống anh L là người rất thương con, chăm con rất tốt, giao con cho anh L nuôi dưỡng chị hoàn toàn yên tâm.

Xét thấy, yêu cầu của chị H giao con chung cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của anh L và cũng đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Ngọc vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh L là người trực tiếp nuôi con. Chính vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là cháu Đinh H Diệu Ngọc - sinh ngày 21/4/2015 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị H yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1 triệu đồng/tháng. Ngày 14/8/2020 chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, nguyên

đơn không yêu cầu tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của chị H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn.

Bị đơn không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh H Diệu Ngọc - sinh ngày 21/4/2015 cho anh Đinh Văn L trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn.

4. Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2010/08221 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/9/2020).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐ;
- UBND P. Noong Bua, TP. Đ;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bằng